

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 197/2023/DS-ST
Ngày: 02 – 10 – 2023
V/v tranh chấp về dân sự
hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Văn Liệt;
- Ông Nguyễn Hoàng Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Trà My - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 tháng 9 và ngày 02 tháng 10 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2023 về việc “*Tranh chấp về dân sự hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 213/2023/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị L: Bà Trịnh Thanh T, sinh năm: 1977. Địa chỉ: Khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; là người đại diện theo ủy quyền (Theo hợp đồng ủy quyền ngày 21/6/2023).

- Bị đơn:

- Ông Đặng Văn T1, sinh năm 1983;
- Bà Phạm Thị Thùy D, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ: Khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Trịnh Thanh T, bà Phạm Thị Thùy D có mặt tại phiên tòa; ông Đặng Văn T1 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L có người đại diện theo ủy quyền là bà Trịnh Thanh T trình bày: Bà Nguyễn Thị L và bà Phạm Thị Thùy D, ông Đặng Văn T1 có mối quan hệ quen biết với nhau, trong khoảng thời gian từ ngày 02/9/2022 đến ngày 03/12/2022 thì bà D đã vay tiền của bà L tổng cộng 4 lần với tổng số tiền vay là 3.560.000.000 đồng (Ba tỷ, năm trăm sáu mươi triệu đồng). Mục đích vay tiền là để đáo nợ Ngân hàng và xoay sở công việc gia đình, thời gian vay 15 ngày và lãi suất 6%/tháng. Cụ thể như sau:

- Vào ngày 02/9/2022, bà D vay bà L số tiền 440.000.000 đồng (Bốn trăm, bốn mươi triệu đồng).

- Vào ngày 20/11/2022, bà D vay bà L số tiền 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng).

- Vào ngày 29/11/2022, bà D vay bà L số tiền 1.600.000.000 đồng (Một tỷ, sáu trăm triệu đồng).

- Vào ngày 03/12/2022, bà D vay bà L số tiền 620.000.000 đồng (Sáu trăm, hai mươi triệu đồng).

Mỗi lần vay tiền bà D đều có ký tên vào hợp đồng vay vốn cho bà L, tuy ông T1 không có ký tên, nhưng ông T1 biết việc bà D vay tiền và mục đích bà D vay tiền của bà L, ông T1 cũng nhiều lần đến thương lượng với bà L về phương án thanh toán nợ. Tuy nhiên, sau khi đến thời hạn trả nợ theo các hợp đồng vay vốn thì bà D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà L. Bà L đã nhiều lần yêu cầu bà D trả nợ nhưng bà D chỉ trả được số tiền gốc 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), số tiền vay gốc còn lại là 3.520.000.000 đồng (Ba tỷ, năm trăm hai mươi triệu đồng) và tiền lãi đến nay bà D không trả lại cho bà L.

Nay bà Nguyễn Thị L yêu cầu bà Phạm Thị Thùy D và ông Đặng Văn T1 liên đới trả cho bà L số tiền gốc tổng cộng là 3.520.000.000 đồng (Ba tỷ, năm trăm hai mươi triệu đồng) và tiền lãi. Tại phiên tòa, tiền lãi được tính cụ thể như sau:

- Khoản vay 02/9/2022 bà D có trả lãi được 03 tháng từ ngày 02/9/2022 đến ngày 02/12/2022 với lãi suất 1,66%/tháng là 21.912.000 đồng; đã trả nợ gốc được 40.000.000 đồng, số tiền vay gốc còn lại là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng), tạm tính lãi từ ngày 02/12/2022 đến ngày 02/10/2023 với số tiền gốc 400.000.000 đồng $\times 1,66\% \times 10$ tháng = 66.400.000 đồng.

- Khoản vay 20/11/2022 với số tiền vay gốc 900.000.000 đồng, tạm tính lãi từ ngày 20/11/2022 đến ngày 02/10/2023 là 10 tháng 12 ngày, chỉ lấy tròn tháng là 10 tháng $\times 900.000.000$ đồng $\times 1,66\% = 149.000.000$ đồng.

- Khoản vay 29/11/2022 với số tiền gốc 1.600.000.000 đồng, tạm tính lãi từ ngày 29/11/2022 đến ngày 02/10/2023 là 10 tháng 03 ngày, chỉ lấy tròn tháng là 10 tháng $\times 1.600.000.000$ đồng $\times 1,66\% = 265.600.000$ đồng

- Khoản vay 03/12/2022 với số tiền gốc 620.000.000 đồng, tạm tính lãi từ ngày 03/12/2022 đến ngày 02/10/2023, là 09 tháng 29 ngày, chỉ lấy tròn tháng là 09 tháng x 620.000.000 đồng x 1,66% = 92.628.000 đồng

Tổng số tiền lãi tạm tính đến ngày 02/10/2023 là: 574.028.000 đồng (Năm trăm bảy mươi bốn triệu, không trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Như vậy, bà Nguyễn Thị L yêu cầu bà Phạm Thị Thùy D và ông Đặng Văn T1 liên đới trả cho bà L số tiền vay gốc là 3.520.000.000 đồng và nợ lãi tạm tính đến ngày 02/10/2023 là 574.028.000 đồng, tổng cộng là 4.094.028.000 đồng (Bốn tỷ, không trăm chín mươi bốn triệu, không trăm hai mươi tám nghìn đồng); yêu cầu tiếp tục tính lãi với lãi suất 1,66%/tháng đến khi trả xong nợ.

- *Bị đơn bà Phạm Thị Thùy D trình bày:* Bà Phạm Thị Thùy D thống nhất trình bày nêu trên của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn về các lần vay tiền, lãi suất thỏa thuận là 6%/tháng, số tiền gốc còn thiếu hiện nay là 3.520.000.000 đồng (Ba tỷ, năm trăm hai mươi triệu đồng). Mục đích bà D vay tiền bà L là cho ông Nguyễn Nhựt V vay lại để hưởng tiền lãi chênh lệch. Từ khi vay tiền vào ngày 02/9/2022 thì bà D đều trả lãi cho bà L đầy đủ, nhưng bà D không nhớ đã trả bao nhiêu tiền lãi cho bà L. Từ tháng 12/2022 thì bà D không trả tiền lãi cho bà L. Bà D không yêu cầu Tòa án xem xét về số tiền lãi đã trả cho bà L.

Nay bà D thống nhất cá nhân bà D còn thiếu bà L số tiền vay gốc tổng cộng là 3.520.000.000 đồng (Ba tỷ, năm trăm hai mươi triệu đồng), nhưng bà D không có khả năng trả tiền cho bà L, do ông Nguyễn Nhựt V đang chiếm đoạt tiền của bà D. Bà D đang yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền giải quyết sự việc của ông V nhưng chưa có kết quả. Bà D không đồng ý cùng với chồng là ông Đặng Văn T1 trả tiền vay gốc cho bà L, do ông T1 không biết và không có liên quan đến việc vay tiền giữa bà D và bà L. Đối với tiền lãi mà bà L yêu cầu thì bà D không đồng ý trả do hiện nay bà D đang gặp hoàn cảnh khó khăn.

- *Bị đơn ông Đặng Văn T1:* Ông T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định, nhưng ông T1 vắng mặt tại phiên và không có văn bản trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn bà Phạm Thị Thùy D đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn ông Đặng Văn T1 không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc bà D chịu trách nhiệm trả cho bà L số tiền vay gốc là 3.520.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 02/10/2023 là

574.028.000 đồng, tổng cộng là 4.094.028.000 đồng (Bốn tỷ, không trăm chín mươi bốn triệu, không trăm hai mươi tám nghìn đồng), tiếp tục tính lãi với lãi suất 1,66%/tháng đến khi trả xong nợ. Không chấp nhận yêu cầu của bà L về việc buộc ông T1 liên đới cùng với bà D trả nợ cho bà L.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Hợp đồng vay vốn ngày 02/9/2022, ngày 20/11/2022, ngày 29/11/2022, ngày 03/12/2022 (Bản chính);

- Kết quả xác minh ngày 15/8/2023 của Công an thị trấn T về việc cư trú của ông Đặng Văn T1 (Bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Theo yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*Tranh chấp về dân sự hợp đồng vay tài sản*”, Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn ông Đặng Văn T1 và bà Phạm Thị Thùy D hiện nay cư trú tại khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, nên nguyên đơn khởi kiện vụ án tại Tòa án nơi bị đơn cư trú là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Ông Đặng Văn T1 được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T1 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L xác định bà L yêu cầu bà Phạm Thị Thùy D và ông Đặng Văn T1 chịu trách nhiệm liên đới trả cho bà L số tiền vay gốc còn nợ tổng cộng là 3.520.000.000 đồng (Ba tỷ, năm trăm hai mươi triệu đồng) và tiền lãi.

[2.2] Về tiền nợ gốc: Căn cứ vào các hợp đồng vay vốn ngày 02/9/2022, ngày 20/11/2022, ngày 29/11/2022, ngày 03/12/2022, thể hiện bà L có cho bà D vay số tiền gốc tổng cộng là 3.560.000.000 đồng (Ba tỷ, năm trăm sáu mươi

triệu đồng) và bà D đã nhận tiền đủ. Sau đó, bà D trả cho bà L số tiền gốc 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), còn thiếu lại số tiền gốc tổng cộng là 3.520.000.000 đồng (Ba tỷ, năm trăm hai mươi triệu đồng). Tổng số tiền gốc vay tại các hợp đồng vay vốn ngày 02/9/2022, ngày 20/11/2022, ngày 29/11/2022, ngày 03/12/2022, số tiền gốc trả được và số tiền gốc còn thiếu thì bà L và bà D đã thống nhất với nhau. Nội dung các hợp đồng vay vốn cho thấy tại thời điểm bà L cho bà D vay tiền thì các bên đều tự nguyện, có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch về việc cho vay tiền, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Nguyên đơn xác định thời hạn vay tiền là 15 ngày, tại 04 hợp đồng vay vốn ghi nhận không thống nhất về thời hạn vay tiền. Tuy nhiên, bà L khởi kiện tại Tòa án vào tháng 6/2023, nhưng đến nay bà D không có trả nợ và cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh về thời hạn trả nợ, nên bà D đã vi phạm hợp đồng vay tài sản đối với bà L. Do đó, bà D có nghĩa vụ trả nợ cho bà L theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.3] Đối với trình bày của bà D về việc không đồng ý trả tiền vay gốc cho bà L vì hiện nay bà D không có khả năng trả nợ; đồng thời, bà D yêu cầu đình chỉ giải quyết vụ án và chuyển hồ sơ vụ án đến Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp giải quyết, do hiện nay bà D cho rằng ông Nguyễn Nhựt V đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà D và bà L. Căn cứ các hợp đồng vay vốn do bà D giao nộp, thể hiện mối quan hệ vay tài sản là giữa bà D và ông Nguyễn Nhựt V, diễn ra từ ngày 24/3/2022 đến ngày 10/10/2022, chỉ có bà D và ông V ký tên, không có bà L ký tên. Bà D cũng xác định, tiền lãi bà D trả cho bà L là tiền của bà D. Bà L xác định bà L chỉ cho bà D vay tiền. Do đó, ông V không có liên quan trong vụ án, bà D là người vay tiền của bà L, nên bà D là người có nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận trình bày của bà D.

[2.4] Đối với yêu cầu trả tiền lãi của bà L: Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bà L và bà D xác định tiền lãi thỏa thuận là 6%/tháng. Mức lãi suất các bên đưa ra cao hơn quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên phải điều chỉnh lại phù hợp với quy định của pháp luật với mức tối đa là 20%/năm. Nguyên đơn tự nguyện điều chỉnh và yêu cầu tiền lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng là phù hợp, nên được chấp nhận.

[2.5] Bà L trình bày bà D đã trả tiền lãi của khoản vay ngày 02/9/2022 là: 440.000.000 đồng x 3 tháng x 1,66%/tháng = 21.912.000 đồng. Bà D xác định có trả tiền lãi cho bà L, nhưng từ tháng 12/2022 thì không trả nữa; bà D không nhớ là trả tiền lãi cho bà L được bao nhiêu, cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc trả tiền lãi; đồng thời bà D thông nhất trình bày của nguyên đơn về số tiền lãi đã trả và không yêu cầu xem xét lại về tiền lãi, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét đối với số tiền lãi bà D đã trả cho bà L.

[2.6] Đối với số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu tính tới ngày 02/10/2023, nhưng thống nhất chỉ tính lãi đối với thời gian theo tháng (đủ 30 ngày), còn tiền

lãi theo ngày mà chưa đủ một tháng (chưa đủ 30 ngày) thì không tính. Việc tính lãi như nguyên đơn yêu cầu là sự tự nguyện của nguyên đơn, có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận. Về thời hạn bắt đầu tính lãi, bà L và bà D đều xác định từ tháng 12/2022 thì bà D không có trả tiền lãi cho bà L; các khoản vay ngày 20/11/2022 và ngày 29/11/2022 đều tới hạn trả lãi từ tháng 12/2022 nên việc bà L tính lãi với lãi suất 1,66%/tháng với thời hạn tính lãi đã yêu cầu là có căn cứ chấp nhận. Căn cứ số tiền gốc còn thiếu, mức lãi suất và thời hạn tính lãi mà nguyên đơn yêu cầu số tiền lãi tổng cộng là 574.028.000 đồng (Năm trăm bảy mươi bốn triệu, không trăm hai mươi tám nghìn đồng) là phù hợp quy định tại Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[2.7] Đối với việc bà L yêu cầu ông Đặng Văn T1 chịu trách nhiệm liên đới cùng với bà D trả tiền cho bà L, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bà L vẫn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh bà D vay tiền là vì nhu cầu thiết yếu của gia đình bà D và ông T1. Tình tiết người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày khi vay tiền bà D có nói là vay để xoay sở công việc gia đình nhưng không có thể hiện trong hợp đồng vay và cũng không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh. Đồng thời, bà D cũng xác định bà D vay tiền nhằm mục đích cá nhân của bà D, còn ông T1 thì không biết, cũng không có sử dụng tiền vay, không có liên quan đến việc vay tiền. Do đó, không đủ căn cứ xác định ông Đặng Văn T1 có trách nhiệm liên đới cùng với bà Phạm Thị Thùy D trả tiền cho bà L.

[2.8] Từ các nhận định nêu trên và căn cứ vào quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015: *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”*, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, buộc bà Phạm Thị Thùy D chịu trách nhiệm cá nhân trả cho bà L số tiền vay gốc còn nợ tổng cộng là 3.520.000.000 đồng (Ba tỷ, năm trăm hai mươi triệu đồng), tiền lãi là 574.028.000 đồng (Năm trăm bảy mươi bốn triệu, không trăm hai mươi tám nghìn đồng), tổng cộng nợ gốc và lãi là 4.094.028.000 đồng (Bốn tỷ, không trăm chín mươi bốn triệu, không trăm hai mươi tám nghìn đồng); không chấp nhận yêu cầu của bà L về việc buộc ông Đặng Văn T1 chịu trách nhiệm liên đới cùng với bà D trả tiền cho bà L, là phù hợp với quy định tại Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn bà Phạm Thị Thùy D phải có trách nhiệm chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 45 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

Buộc bà Phạm Thị Thùy D chịu trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền vay gốc còn nợ tổng cộng là 3.520.000.000 đồng (Ba tỷ, năm trăm hai mươi triệu đồng), tiền lãi là 574.028.000 đồng (Năm trăm bảy mươi bốn triệu, không trăm hai mươi tám nghìn đồng), tổng cộng nợ gốc và lãi là 4.094.028.000 đồng (Bốn tỷ, không trăm chín mươi bốn triệu, không trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị L về việc buộc ông Đặng Văn T1 chịu trách nhiệm liên đới cùng với bà Phạm Thị Thùy D trả tiền cho bà Nguyễn Thị L.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Bị đơn bà Phạm Thị Thùy D phải có trách nhiệm chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 112.094.000 đồng (Một trăm mười hai triệu, không trăm chín mươi bốn nghìn đồng).

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 55.280.000 đồng (Năm mươi lăm triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0002127 ngày 23/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9, 9a Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 02/10/2023). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Thùy Trang